TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 94/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 07/11/2018
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH- TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đức Sơn.

2. Bà Nguyễn Thị Sương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Vân- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận *tham gia phiên tòa*: Ông Cao Quốc Thuận- Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 11 năm 2018 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 373/2018/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 9 năm 2018 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 184/2018/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị Thanh T, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Số 1 , đường số 1 , tổ 4, thôn 6, xã M, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận; *chỗ ở hiện nay*: Thôn 6, xã Đ, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- *Bị đơn*: Anh Trần Xuân G, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Số a, đường số b, tổ 4, thôn 6, xã M, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt chị T và anh G.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 30 tháng 7 năm 2018, các bản khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Thanh T trình bày: Chị và anh Trần Xuân G tự nguyện tìm hiểu với

nhau vào năm 2012. Sau đó quyết định tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M vào năm 2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được vài tháng thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh G thường xuyên chơi đánh bài, cá độ bóng đá, xóc dĩa…dẫn đến phát sinh nợ nần trong gia đình. Chị đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh G vẫn không nghe, thậm chí hai bên gia đình nội, ngoại tác động, khuyên bảo nhưng anh G vẫn không từ bỏ được bài bạc. Do không thể tiếp tục chung sống được nữa nên vào khoảng giữa năm 2016, chị có nộp đơn khởi kiện ly hôn anh G tại TAND huyện Đức Linh. Quá trình giải quyết vụ án, anh G hứa sẽ thay đổi, không chơi bài bạc nữa và có sự động viên của cán bộ Tòa án nên chị đã rút đơn khởi kiện. Chung sống được khoảng vài tháng sau khi rút đơn khởi kiện ly hôn thì anh G lại tiếp tục chơi bài bạc. Đến khoảng tháng 4/2018, chị quyết định về nhà cha mẹ ruột ở thôn 6, xã Đ sinh sống cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh G.

Về con chung: Vợ chồng chị có với nhau 01 con chung tên Trần Lê Ái M, sinh ngày 28/3/2014. Chị yêu cầu được nuôi dưỡng, giáo dục cháuM và yêu cầu anh G phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), cho đến khi con (My) đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Bị đơn anh Trần Xuân G trình bày: Anh và chị Lê Thị Thanh T tự nguyện kết hôn vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M. Về mâu thuẫn giữa vợ chồng và nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn như chị T trình bày là đúng, anh không có ý kiến gì. Nay chị T cương quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý. Vợ chồng có với nhau 01 con chung tên Trần Lê ÁiM, sinh ngày 28/3/2014. Nay anh yêu cầu được quyền nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con. Vợ chồng không có tài sản chung, không nợ nần của ai.

Chị T vẫn giữ yêu cầu ly hôn đối với anh G. Chị đồng ý giao con chung Trần Lê ÁiM, sinh ngày 28/3/2014 cho anh G nuôi dưỡng giáo dục, chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

Tòa án đã tiến hành tổ chức các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các bên đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng do bị đơn không đến Tòa án nên không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Tòa án nhân dân huyện Đức Linh đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật TTDS năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật TTDS năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật TTDS.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ tranh chấp: Đây là quan hệ tranh chấp ly hôn, nuôi con.

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh G tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M. Quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh G không chăm lo cho vợ con, ham mê cờ bạc gây nợ nần trong gia đình. Chị T xác định không còn tình cảm yêu thương, quý trọng đối với anh G. Tình trạng hôn nhân thật sự trầm trọng, không thể kéo dài. Chị T yêu cầu Tòa án xét xử cho ly hôn với anh G. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, chị T đồng ý giao con Trần Lê ÁiM, sinh ngày 28/3/2014 cho anh G nuôi dưỡng giáo dục, anh G không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện nên cần được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thủ tục thụ lý đơn khởi kiện và thụ lý vụ án: Nguyên đơn làm đơn khởi kiện và Tòa án đã thụ lý vụ án là đúng pháp luật.

[1.2] Về thẩm quyền: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[1.3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì có cơ sở để kết luận đây là quan hệ pháp luật ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh G tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong cuộc sống do anh G thường xuyên chơi đánh bài, cá độ bóng đá, xóc dĩa…dẫn đến phát sinh mâu thuẫn giữa vợ chồng. Xét thấy, cuộc sống chung của anh chị không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này sẽ không có lợi cho hai bên. Do đó, căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là phù hợp pháp luật.

[2.2] Về con chung: Anh chị thống nhất giao cháu Trần Lê ÁiM, sinh ngày 28/3/2014 cho anh G được nuôi dưỡng giáo dục, chị T không phải cấp dưỡng nuôi. Thấy rằng, thỏa thuận của anh chị là tự nguyện, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận. Chị T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không phải xem xét.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T là người khởi kiện ly hôn nên chị phải chịu toàn bộ án phí DSST theo luật định, nhưng được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

[2.5] Xét ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nội dung vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1/ Về hôn nhân: Chị Lê Thị Thanh T ly hôn anh Trần Xuân G.

2/ Về con: Giao cho anh Trần Xuân G được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Trần Lê ÁiM, sinh ngày 28/3/2014. Chị Lê Thị Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con, có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3/ Về án phí: Chị Lê Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được tính trừ vào tiền tạm ứng án

phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018759 ngày 17/9/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (07/11/2018), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

5/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-VKSND huyện Đức Linh;
-Chi cục THA dân sự huyện Đức Linh;
-UBND xã M, Đức Linh, Bình Thuận;
-Các đương sự;
-Lưu qđ, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Văn Thuận